

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Bản án số: 95/2019/HS-ST*

*Ngày 07 - 8 - 2019*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Chi và bà Trần Thị Hoa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn T Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2019/HSST đối với phần dân sự trong vụ án hình sự sơ thẩm số 165/2018/HS-ST ngày 26/11/2018 đã bị bản án hình sự phúc thẩm số 19/2019/HSPT ngày 22/4/2019 hủy về phần trách nhiệm dân sự theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/HSST-QĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, đối với:

**Nguyên đơn dân sự là người đại diện hợp pháp của bị hại (Trần Thị H đã chết):**

**1. Anh Trần Ngọc D, sinh năm 1979.**

**2. Bà Chu Thị H2, sinh năm 1952.**

Cùng địa chỉ: Xóm 1, C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Bà Chu Thị H2 ủy quyền cho anh Trần Ngọc D tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 14/5/2018.

**Bị đơn dân sự:**

**1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1996;** nơi ĐKNKTT: thôn Q, xã T, thành phố p, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam T, Thanh Hóa.

**2. Anh Vũ Quang S, sinh năm 1995.**

**3. Ông Vũ Văn Th, sinh năm 1963.**

Cùng địa chỉ: thôn Q, xã T, thành phố p, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt anh D, anh T, anh S và ông Th.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 10 phút ngày 28/02/2018 tại Km1+100 trên đường DDT thuộc địa phận thôn Triệu Xá, xã Liêm Tuyên, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Nguyễn Văn T không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định, Vũ Quang S không biết T không có giấy phép lái xe nên đã giao cho T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 90B1-905.68 chở Vũ Quang S phía sau theo hướng Phủ Lý đi Lý Nhân. Do không quan sát mặt đường, lái xe bằng một tay đi lấn sang phần đường của xe cơ giới đi chiều ngược lại nên đã đâm vào xe mô tô biển kiểm soát: 90B1-295.29 do chị Trần Thị H đang điều khiển đi trên phần đường của mình gây tai nạn, hậu quả làm chị H bị thương nặng, đến ngày 25/3/2019 thì chị H tử vong.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 165/2018/HS-ST ngày 26/12/2018, Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý xử phạt Nguyễn Văn T 04 năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Buộc Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho người đại diện hợp pháp của chị Trần Thị H là anh Trần Ngọc D và bà Chu Thị H2 số tiền đã bỏ ra chi phí cấp cứu, điều trị cho chị Trần Thị H tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam, Bệnh viện Việt Đức và Bệnh Viện Bạch Mai bao gồm tiền viện phí, tiền thuốc, vật tư y tế, chi phí ăn ở, phương tiện đi lại, khoản thu nhập thực tế bị mất của bị hại, của người chăm sóc bị hại trong thời gian nạn nhân được cấp cứu, điều trị từ ngày 28/02/2018 đến ngày 25/3/2018 và chi phí tổ chức tang lễ là 310.000.000 đồng, khoản tiền cấp dưỡng cho mẹ đẻ của chị H bị ốm đau bệnh tật (cấp dưỡng một lần) là 50.000.000 đồng và khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho người thân thích của bị hại là 70.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản tiền Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Ngọc D là 430.000.000 đồng.

Đại diện của chị Trần Thị H kháng cáo yêu cầu đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Vũ Quang S và ông Vũ Văn Th là chủ phương tiện giao thông.

Tại bản án phúc thẩm số 19/2019/HSPT ngày 22/4/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên về tội danh và hình phạt đối với Nguyễn Văn T. Về trách nhiệm dân sự: hủy phần dân sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T về trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp của bị hại. Lý do chưa xác định đầy đủ những người phải liên đới bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại trong vụ án này.

Sau khi Tòa án sơ thẩm tiến hành thụ lý lại theo đơn yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại, anh Trần Ngọc D và bà Chu Thị H2 đã yêu cầu: anh Nguyễn Văn T, anh Vũ Quang S và ông Vũ Văn Th phải liên đới bồi thường bao gồm: chi phí mai táng, khám chữa, điều trị thương tích, bồi thường tổn thất tinh thần, trợ cấp với những người thuộc trách nhiệm nuôi dưỡng của bị hại là chị Trần Thị H, tổng số tiền là 430.000.000 đồng và phân chia trách nhiệm liên đới như sau:

Anh Nguyễn Văn T: 50% số tiền bồi thường = 215.000.000 đồng.

Ông Vũ Văn Th: 25% số tiền bồi thường = 107.000.000 đồng.

Anh Vũ Quang S: 25% số tiền bồi thường = 107.000.000 đồng.

Đại diện hợp pháp của bị hại không nộp bổ sung các tài liệu chứng cứ nào khác so với các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án hình sự đã xét xử sơ thẩm, phúc thẩm.

Tại phiên tòa, anh Trần Ngọc D giữ nguyên yêu cầu về số tiền bồi thường theo bản án sơ thẩm ngày 26/12/2018 là 430.000.000 đồng và bổ sung yêu cầu thu nhập bị mất của bị hại và người chăm sóc là 10.500.000 đồng, phân chia trách nhiệm bồi thường như sau: Nguyễn Văn T chịu 1/2 số tiền bồi thường và ông Vũ Văn Th, anh Vũ Quang S chịu 1/2.

Nguyễn Văn T và Vũ Quang S đề nghị bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật, cụ thể Nguyễn Văn T chịu 2/3 và Vũ Quang S chịu 1/3 khoản tiền bồi thường.

Ông Vũ Văn Th đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật vì ông không liên quan đến vụ tai nạn giao thông, ông là chủ phương tiện nhưng ông giao xe cho con ông là Vũ Quang S có đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông nên ông không chấp nhận liên đới chịu trách nhiệm phân bồi thường anh D đưa ra.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: giữ nguyên quan điểm đề xuất tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/12/2018 về phần bồi thường thiệt hại là 310.000.000 đồng và 10.500.000 đồng tiền mất thu nhập đồng thời có bổ sung về việc do biến động của lương tối thiểu nên tính khoản tiền tổn thất tinh thần theo mức lương tối thiểu mới từ ngày 01/7/2019. Về trách nhiệm yêu cầu anh Vũ Quang S phải liên đới bồi thường với Nguyễn Văn T do có lỗi vô ý, ông Vũ Văn Th không phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường. Buộc Nguyễn Văn T và Vũ Quang S phải liên đới bồi thường từ 335.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng, phân chia trách nhiệm bồi thường: T chịu 2/3 và S chịu 1/3. Án phí dân S sơ thẩm: Nguyễn Văn T chịu án phí theo quy định của pháp luật, Vũ Quang S có giấy xác nhận thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) miễn án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

\* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và xét xử lại phần dân sự trong bản án hình sự phúc thẩm số 19/2019/HSPT ngày 22/4/2019 hủy về phần trách nhiệm dân sự là đúng thẩm quyền theo khoản 2 Điều 360 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

\* Về nội dung: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 590, 591, 593 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về xác định thiệt hại: căn cứ vào các tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án, căn cứ yêu cầu của anh Trần Ngọc D thì toàn bộ thiệt hại do Nguyễn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” xảy ra vào hồi 19 giờ 10 phút ngày 28/02/2018 tại Km1+100 trên đường DDT thuộc địa phận thôn Triệu Xá, xã Liêm Tuyền, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam mà Nguyễn Văn T đã gây ra cho Trần Thị H được xác định như sau:

+ Chi phí khám chữa và điều trị thương tích:

- Tiền viện phí và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam: 2.989.808 đồng (BL 143); Tiền viện phí và điều trị tại Bệnh viện Việt Đức: 86.567.923 đồng (BL 154, 155); Tiền viện phí và điều trị tại Bệnh viện Bạch Mai: 52.437.679 đồng.

- Các hóa đơn chi phí thuốc men (BL 149, 147, 151, 166, từ BL 191 đến BL 198, và BL 200): 12.523.230 đồng.

Đối với một số hóa đơn thuốc tại các BL 148, từ BL 168 đến 176, từ BL 179 đến 181 không có căn cứ để HĐXX tính toán được và số tiền kê khai 19.500.000 đồng điều trị lần 2 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam không có hóa đơn nên không được HĐXX chấp nhận.

- Chi phí thuê xe làm phương tiện đưa đi cấp cứu, cứu chữa tại các bệnh viện (BL 153, 199, 201): 4.000.000 đồng.

- Chi phí mua đồ dùng cá nhân phục vụ trong quá trình điều trị (BL từ 182 đến 190): 1.384.000 đồng.

+ Tiền chi cho mai táng phí: tổng số tiền được HĐXX xem xét chấp nhận là 53.500.000 đồng. Riêng số tiền kê khai 30.000.000 đồng phục vụ cho nghi lễ truyền thống không có cơ sở thực tế để HĐXX chấp nhận.

+ Chi phí cho những người chăm sóc bị mất thu nhập từ ngày 28/02/2018 đến ngày 25/3/2018 là thời gian điều trị của chị Trần Thị H tại các bệnh viện và sau đó làm đám tang cho chị mất 3 ngày, tổng cộng tròn 30 ngày. Vì thương tổn

của chị Trần Thị H là rất trầm trọng nên ngoài anh D phải thường xuyên chăm sóc còn có chị Trần Thị Vân N em gái của anh D cùng phải thường xuyên có mặt để đảm bảo việc điều trị cho chị H. Do đó yêu cầu về khoản thu nhập thực tế bị mất của chị H và những người chăm sóc cho chị H với tổng số tiền là 10.500.000 đồng đối chiếu với thu nhập bình quân của người lao động phổ thông tại địa phương là có căn cứ chấp nhận. Riêng đối với số tiền 15.000.000 đồng anh D kê khai về chi phí ăn uống cho những người đi chăm sóc là không có căn cứ thực tế để HĐXX chấp nhận vì dù làm công việc gì thì mọi người đều phải ăn để đảm bảo sinh tồn.

+ Chi phí cấp dưỡng để nuôi dưỡng đối với người mà chị H có trách nhiệm: Bà Chu Thị H2 là mẹ đẻ của Trần Thị H, gia đình có ba anh chị em, anh trai duy nhất đã chết, chị H cùng với người chị gái phải có nghĩa vụ phụng dưỡng đối với mẹ đẻ do đó yêu cầu về việc phải chi phí cấp dưỡng nuôi và chăm sóc bà Chu Thị H2 với số tiền cấp dưỡng một lần là 50.000.000 đồng có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

+ Về tổn thất tinh thần: sau khi cân nhắc HĐXX thấy việc chị Trần Thị H sau khi bị tai nạn đã phải điều trị trong một thời gian dài nhưng cuối cùng vẫn tử vong đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần của những người thân thích của chị H như anh D, bà H2. Do đó cần xác định tổn thất tinh thần để bù đắp cho những người thân thích của chị H với mức là 50 tháng lương tối thiểu tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 1.490.000 đồng/tháng. Tổng thiệt hại tổn thất tinh thần là: 74.500.000 đồng.

Như vậy tổng thiệt hại đã gây ra trong quá trình cứu chữa, điều trị về thương tích và thiệt hại về tính mạng của chị Trần Thị H là 348.402.600 đồng.

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: căn cứ các Điều 587, 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại bản án phúc thẩm số 19/2019/HS-PT ngày 22/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã xác định rõ Nguyễn Văn T là người trực tiếp gây ra tai nạn nên phải chịu trách nhiệm chính trong việc bồi thường khắc phục hậu quả đã gây ra cho bị hại. Mặt khác Vũ Quang S là người quản lý hợp pháp xe mô tô biển kiểm soát 90B1-905.68 (người được giao chiếm hữu hợp pháp nguồn nguy hiểm cao độ) nhưng đã giao phương tiện cho Nguyễn Văn T (người không có giấy phép lái xe) điều khiển phương tiện và gây tai nạn dẫn đến chết người. Nên anh Vũ Quang S phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường để khắc phục một phần hậu quả mà Nguyễn Văn T đã gây ra cho Trần Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/4/2019 Nguyễn Văn T đã tự nhận trách nhiệm bồi thường 2/3 và yêu cầu Vũ Quang S chịu trách nhiệm liên đới 1/3 đối với thiệt hại.

Tại phiên tòa hôm nay: anh Vũ Quang S nhất trí với đề xuất của Nguyễn Văn T. HĐXX thấy cần phải phân chia trách nhiệm liên đới trong đó T phải chịu 2/3 và S chịu 1/3 là phù hợp. Cụ thể: Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm bồi thường: 232.268.400 đồng (làm tròn là 232.268.000 đồng); Vũ Quang S phải chịu: 116.134.200 đồng (làm tròn là 116.134.000 đồng)

Mặc dù tại đơn yêu cầu, anh Trần Ngọc D đề nghị ông Vũ Văn Th có trách nhiệm liên đới bồi thường dân sự, tuy nhiên bản án phúc thẩm cũng đã nhận định và đánh giá mặc dù là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển kiểm soát 90B1-905.68 nhưng ông đã bàn giao xe cho anh S là con quản lý, sử dụng, ông không biết và không buộc phải biết S đã giao xe cho T. Do đó không có căn cứ để buộc ông Th phải liên đới bồi thường đối với thiệt hại mà T đã gây ra cho chị H. Vì vậy yêu cầu của anh Trần Ngọc D đòi ông Th phải liên đới bồi thường không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành, người chịu trách nhiệm bồi thường sẽ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả. Anh Trần Ngọc D đưa ra yêu cầu bồi thường có một số khoản không được HĐXX chấp nhận nhưng thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Anh Trần Ngọc D, bị đơn dân sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590, 591, 593 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc D và bà Chu Thị H2 về việc yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tính mạng do Nguyễn Văn T gây tai nạn giao thông dẫn đến hậu quả chết người của chị Trần Thị H

2/ Buộc Nguyễn Văn T, Vũ Quang S phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Trần Ngọc D và bà Chu Thị H2 tổng số tiền là 348.402.600 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm linh hai nghìn sáu trăm đồng)

Cụ thể: Nguyễn Văn T phải chịu: 232.268.400 đồng làm tròn là 232.268.000 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Vũ Quang S phải chịu: 116.134.200 đồng làm tròn là 116.134.000 đồng (một trăm mười sáu triệu một trăm ba mươi tư nghìn đồng).

3/. Không chấp nhận yêu cầu của anh Trần Ngọc D và bà Chu Thị H2 đòi ông Vũ Văn Th phải liên đới bồi thường thiệt hại do Nguyễn Văn T đã gây ra đối với Trần Thị H.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyễn Văn T phải nộp: 11.613.420 đồng làm tròn là 11.613.000 đồng (mười một triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng)

Vũ Quang S được miễn toàn bộ phần án phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thanh toán khoản tiền phải bồi thường thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đại diện hợp pháp của bị hại, các bị đơn dân sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- CQ CSĐT CA TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- Đại diện hợp pháp của BH, bị đơn DS;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Mai Oanh**

